

Số: 270/QĐ-TrTCVHNT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026  
của Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 617/QĐ-SVHTTDL ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TrTCVHNT ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 của Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật theo biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phụ trách kế toán, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở VHTTDL;
- HT, PHT;
- Lưu: VT, HCTH (H).



HIỆU TRƯỞNG

Phùng Ngọc Long



Đơn vị: TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI

Chương: 425

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Kèm theo Quyết định số 270/QĐ- TrTCVHNT ngày 31/12/2025 của Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai)

Đvt: triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                                   | Dự toán được giao |
|------------|------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                          | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách thu sự nghiệp</b>       |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu</b>                                              | 0                 |
|            | Thu sự nghiệp đào tạo                                      |                   |
|            | Thu sự nghiệp khác                                         |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                    |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp đào tạo</b>                               | 0                 |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                              |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                           |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                     |                   |
| <b>III</b> | <b>Các khoản nộp ngân sách nhà nước, chi phí trực tiếp</b> | 0                 |
| <b>I</b>   | Sự nghiệp đào tạo                                          |                   |
|            | Sự nghiệp khác                                             |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                      | 10.385            |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                          | 10.385            |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                              |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                           |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                     |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                 |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ             |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia                 |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                       |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                    |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng              |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>         | 10.385            |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                   |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       | 10.385            |